

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly
hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Huy Hoàng

Ông Nguyễn Kim San

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3045/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Hoàng T, sinh năm 1964; cư trú tại: Gladbecker Str.10-46236 Bottrop, Cộng hòa Liên bang Đức.

- *Bị đơn* Chị Trần Thị Anh P, sinh năm 1970; cư trú tại: Gladbecker Str.10-46236 Bottrop, Cộng hòa Liên bang Đức.

Anh Đỗ Hoàng T và chị Trần Thị Anh P đều vắng mặt và cùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 6 năm 2018 nguyên đơn là nh Đỗ Hoàng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Hoàng T và chị Trần Thị Anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường AB, quận LC, thành phố Hải Phòng vào ngày 26 tháng 11 năm 1989.

Sau khi kết hôn, anh T và chị P chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do là do tính cách vợ chồng thay đổi nên

thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn dẫn đến việc anh T và chị P sống ly thân từ đó đến nay. Anh T và chị P không còn tình cảm không còn quan tâm đến nhau nữa nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

- Về con chung: Anh Đỗ Hoàng T và chị Trần Thị Anh P có 03 con chung là cháu: Đỗ Hoàng L, sinh năm 1994; cháu Đỗ Hoàng Đ, sinh năm 1999 và cháu Đỗ Hoàng Thịnh M, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2002. Hai cháu Đỗ Hoàng L và Đỗ Hoàng Đ đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị thỏa thuận giao cháu Đỗ Hoàng Thịnh M chị Trần Thị Anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh T và chị P tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Đỗ Hoàng T và chị Trần Thị Anh P tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin ly hôn vắng mặt đề ngày 20 tháng 2 năm 2018, bị đơn là chị Trần Thị Anh P trình bày:

Chị Trần Thị Anh P thống nhất với lời trình bày của anh Đỗ Hoàng T về việc kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Chị xác nhận, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Hoàng T.

- Về con chung: Chị P thông nhất với phần trình bày của anh T. Hai cháu Đỗ Hoàng L và Đỗ Hoàng Đ đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị thỏa thuận giao cháu Đỗ Hoàng Thịnh M cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Đỗ Hoàng T đề nghị không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Anh Đỗ Hoàng T và chị Trần Thị Anh P vắng mặt tại phiên tòa, chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của anh Đỗ Hoàng T và chị Trần Thị Anh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Đỗ Hoàng T và chị Trần Thị Anh P hiện đang cư trú tại Cộng hòa liên bang Đức đều có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tổ tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là anh Đỗ Hoàng T và bị đơn là chị Trần Thị Anh P cùng vắng mặt tại phiên tòa, cùng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Anh Đỗ Hoàng T và chị Trần Thị Anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường AB, quận LC, thành phố Hải Phòng vào ngày 26 tháng 11 năm 1989, theo quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Đỗ Hoàng T và chị Trần Thị Anh P cùng thống nhất trình bày do tính cách vợ chồng thay đổi nên anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn dẫn đến việc anh T và chị P sống ly thân từ đó đến nay. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh T và chị P đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh T xin ly hôn với chị P và được chị P hoàn toàn đồng ý phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho anh Đỗ Hoàng T được ly hôn chị Nguyễn Thị Lộc.

[4] Về con chung: Anh Đỗ Hoàng T và chị Trần Thị Anh P có 03 con chung là cháu: Đỗ Hoàng L, sinh năm 1994; cháu Đỗ Hoàng Đ, sinh năm 1999 và cháu Đỗ Hoàng Thịnh M, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2002. Hai cháu Đỗ Hoàng L và Đỗ Hoàng Đ đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Đỗ Hoàng Thịnh M anh chị thỏa thuận giao cho mẹ cháu là Trần Thị Anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh T và chị P tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh T, chị P là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Anh Đỗ Hoàng T và chị Trần Thị Anh P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Anh Đỗ Hoàng T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo của các đương sự:

[7] Anh Đỗ Hoàng T và chị Trần Thị Anh P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Hoàng T được ly hôn chị Trần Thị Anh P.
2. Về con chung: Giao con chung tên là Đỗ Hoàng Thịnh M, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2002 cho chị Trần Thị Anh P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Anh Đỗ Hoàng T và chị Trần Thị Anh P không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đỗ Hoàng T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010867 ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Anh Đỗ Hoàng T và chị Trần Thị Anh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường AB, quận LC;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà